

# GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN PHÚC, NGUYỄN THU HÀ

*Kinh tế tuần hoàn là mô hình tổ chức, vận hành kinh tế cho phép nâng cao tính bền vững, hiệu quả của tăng trưởng kinh tế, khi tiến bộ khoa học đạt tới trình độ cao, nhưng tài nguyên ngày càng cạn kiệt, ô nhiễm môi trường gia tăng, trong khi, nhu cầu của con người và xã hội lớn. Những yếu tố cấu thành mô hình kinh tế này đã xuất hiện ở nền kinh tế truyền thống các nước, trong đó có Việt Nam. Sức ép và những thách thức từ nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội đòi hỏi Việt Nam phải sớm chuyển đổi mô hình kinh tế truyền thống sang mô hình kinh tế tuần hoàn một cách chủ động với những bước đi thích hợp.*

*Từ khóa: Kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng kinh tế bền vững, ô nhiễm môi trường*

## SOLUTIONS TO PROMOTE THE FORMATION AND DEVELOPMENT OF A CIRCULAR ECONOMY IN VIETNAM

Nguyen Van Phuc, Nguyen Thu Ha

*Circular economy is a model of economic organization and operation that allows to improve the sustainability and efficiency of economic growth, when scientific progress reaches a high level, but resources are increasingly exhausted, environmental pollution increases, while human and social needs are high. The factors that make up this economic model have appeared in the traditional economies of many countries, including Vietnam. The pressures and challenges from the socio-economic development needs require Vietnam to soon transform the traditional economic model to a proactive circular economic model with appropriate steps.*

*Keywords: Circular economy, sustainable economic growth, environmental pollution*

Ngày nhận bài: 10/3/2021

Ngày hoàn thiện biên tập: 17/3/2021

Ngày duyệt đăng: 23/3/2021

## Bản chất của nền kinh tế tuần hoàn

Phát triển bền vững đã trở thành một yêu cầu khách quan đối với sự phát triển kinh tế-xã hội trên phạm vi toàn cầu. Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã đề ra mục tiêu “Tăng trưởng bền vững, có hiệu quả, đi đôi với tiến bộ, công

bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia”. Quá trình công nghiệp hóa là một trong những yếu tố thúc đẩy phương thức phát triển truyền thống sang phát triển bền vững. Xây dựng và phát triển nền kinh tế tuần hoàn (KTTH) chính là thực hiện sự chuyển hóa này.

KTTH là “một nền kinh tế không có chất thải”, hay “một hệ thống có tính tái tạo và khôi phục thông qua các kế hoạch và thiết kế chủ động. Nó thay thế khái niệm “kết thúc vòng đời” của vật liệu bằng khái niệm khôi phục, chuyển dịch theo hướng sử dụng năng lượng tái tạo, không dùng các hóa chất độc hại gây tổn hại tới việc tái sử dụng và hướng tới giảm thiểu chất thải thông qua việc thiết kế vật liệu, sản phẩm, hệ thống kỹ thuật và cả các mô hình kinh doanh trong phạm vi của nó”.

Potting và cộng sự cho rằng, nền KTTH là một hệ thống gồm các thành tố (9R): Refuse (R0 - Giảm bớt công năng thừa ở sản phẩm hoặc gắn một công năng cho những sản phẩm rất khác nhau); Rethink (R1- Thay đổi tư duy về việc sử dụng sản phẩm); Reduce (R2 - Giảm thiểu chi phí khi sản xuất và tiêu dùng sản phẩm); Re-use (R3 - Chuyển vật dụng còn dùng được cho người khác sử dụng khi người sử dụng ban đầu không cần dùng tới, hoặc phục hồi lại công dụng của một sản phẩm sau một giai đoạn sử dụng); Repair (R4 - Sửa chữa, bảo trì sản phẩm để nó có thể được sử dụng như ban đầu); Refurbish (R5 - Bảo quản và nâng cấp sản phẩm để sử dụng);



Remanufacture (R6 - Sử dụng những cấu kiện, chi tiết còn dùng được ở những sản phẩm hỏng để sản xuất sản phẩm mới có cùng công dụng); Repurpose (R7 - Sử dụng sản phẩm hỏng hoặc những bộ phận, chi tiết của nó để sản xuất những sản phẩm có công dụng khác hẳn); Recycle (R8 - Chế biến lại vật tư để sản xuất sản phẩm mới); Recover (R9 - Tiêu hủy nguyên liệu có thu hồi năng lượng).

Trong nghiên cứu của mình, Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Trọng Hạnh cho rằng, nền KTTH vận hành trên cơ sở 3 nguyên tắc căn bản, đó là “Bảo tồn và phát triển vốn tự nhiên thông qua việc kiểm soát, nhằm sử dụng hợp lý các tài nguyên và tái tạo các hệ thống tự nhiên; đặc biệt là đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo; Tối ưu hóa lợi tức của tài nguyên bằng cách tuần hoàn các sản phẩm và vật liệu nhiều nhất có thể trong các chu trình kỹ thuật và sinh học và nâng cao hiệu suất chung của toàn hệ thống bằng cách tối thiểu hóa các ngoại ứng tiêu cực, thông qua thiết kế chất thải, thiết kế ô nhiễm ngay từ đầu của quá trình sản xuất”.

Bùi Văn Huyền, Nguyễn Ngọc Toàn xác định 3 nội dung cốt lõi của KTTH là “Giảm thiểu phát thải ra môi trường thông qua sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên liệu, năng lượng và sử dụng nguyên liệu, năng lượng có khả năng tái tạo; Tái sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng kéo dài thời gian sử dụng sản phẩm; Tái chế, tận dụng phế liệu, phế thải trở thành đầu vào sản xuất”.

Như vậy, KTTH là một nền kinh tế mà trong đó các yếu tố vật chất được đưa vào phục vụ đời sống của con người được tái sử dụng một cách có hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội. Tiêu chí đặt ra đối với việc xây dựng và lựa chọn các phương án phát triển KTTH là đảm bảo được hiệu quả kinh tế tổng hợp từ việc sản xuất, tiêu dùng và tái chế các sản phẩm đạt mức tối ưu.

### **Điều kiện hình thành, phát triển nền kinh tế tuần hoàn**

Trong mọi nền kinh tế, ở mọi thời kỳ, luôn có những yếu tố, bộ phận riêng rẽ của nền KTTH tồn tại. Việc chuyển hóa từ nền kinh tế truyền thống sang nền KTTH ở quy mô ngày càng lớn, mức độ ngày càng cao đã diễn ra như một xu hướng khách quan. Trên thực tế, KTTH đã chuyển từ mô hình thành thực tế với những mức độ khác nhau và có những tác động khá khác biệt tới sự phát triển kinh tế-xã hội ở các nước trên thế giới.

Lý thuyết và kinh nghiệm thực tế của các nước

đã triển khai mô hình nền KTTH cho thấy, nền kinh tế này tồn tại và phát triển trên những điều kiện sau:

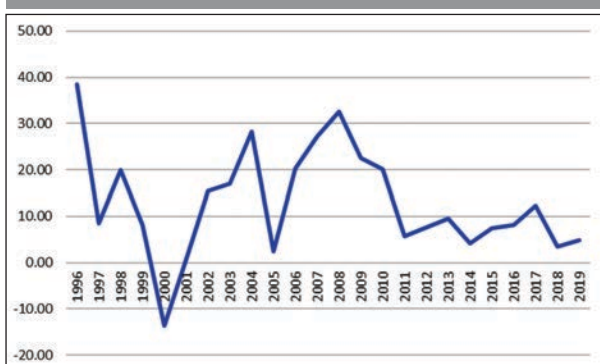
*Một là*, xã hội, đặc biệt là tầng lớp lãnh đạo xã hội và lực lượng chủ đạo của nền kinh tế nhận thức được sự cần thiết của việc chuyển đổi nền kinh tế truyền thống sang nền KTTH. Nhận thức đúng bản chất, các quy luật hình thành và phát triển để có những chiến lược và giải pháp thực hiện sự chuyển đổi phù hợp. Nếu thiếu sự nhận thức chủ quan này, các yếu tố của nền KTTH có thể xuất hiện, thậm chí tồn tại khá lâu, ở nhiều bộ phận, nhưng khó có thể liên kết với nhau để hình thành một nền kinh tế vận động hoàn toàn và bền vững theo mô hình KTTH.

*Hai là*, mục tiêu, định hướng, chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế nói chung và phát triển KTTH nói riêng. Tính chất, phạm vi và quy mô của yếu tố “tuần hoàn” trong nền kinh tế của một quốc gia liên tục biến động, có thể theo cùng một chiều hướng hoặc theo những chiều hướng khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, phụ thuộc vào lợi ích và nguồn lực của các chủ thể liên quan tới sự chuyển đổi từ mô hình kinh tế truyền thống sang mô hình KTTH. Để giảm thiểu sự trái chiều của các xu hướng vận động và giảm thiểu tác động tiêu cực của chúng đến sự hình thành và phát triển của nền KTTH, Nhà nước cần xác định rõ định hướng, mục tiêu đặt ra có tính khả thi. Những bất hợp lý trong lựa chọn định hướng, sự nóng vội hoặc rụt rè, chậm trễ trong việc lựa chọn các mục tiêu cho từng giai đoạn của quá trình chuyển đổi sang mô hình KTTH đều có tác động tiêu cực, dù mức độ và tác động của chúng có thể khác nhau.

*Ba là*, cấu trúc hiện tại của nền kinh tế và khả năng tái cấu trúc của nó. Mọi nền kinh tế luôn có một “sức ỳ”. Điều này không chỉ tồn tại ở phía sản xuất, mà cả ở phía tiêu dùng. Quy mô nền kinh tế càng lớn, cấu trúc hiện tại của nền kinh tế truyền thống càng hợp lý, mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nền kinh tế truyền thống càng chặt chẽ thì sức ỳ này càng lớn, càng khó khởi động quá trình chuyển đổi. Tuy nhiên, năng lực đổi mới của nền kinh tế càng lớn, sự cạnh tranh càng khốc liệt, các nguồn lực có thể huy động để phát triển ngày càng nhiều, tiềm lực khoa học-công nghệ và khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ càng lớn thì sau khi đã được khởi động, quá trình chuyển đổi càng được thúc đẩy mạnh mẽ.

*Bốn là*, năng lực của hệ thống kinh tế truyền thống, đặc biệt là năng lực nghiên cứu, thiết kế, đưa vào sử dụng những sản phẩm cho phép tái sử dụng, tái chế

**HÌNH 1: TỐC ĐỘ TĂNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CỦA CÔNG NGHIỆP TÁI CHẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1996- 2019 (%)**



Nguồn: Niên giám thống kê các năm 1999 đến 2019

được; ứng dụng và thích ứng hóa những công nghệ cho phép sử dụng, tái chế, chế biến lại những sản phẩm đã qua sử dụng và phế liệu từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng.

**Vị thế của nền kinh tế tuần hoàn trong phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam**

Ở Việt Nam, có nhiều yếu tố tác động trực tiếp đến sự hình thành và phát triển của nền KTTH như:

*Thứ nhất*, Việt Nam duy trì được sự phát triển kinh tế liên tục với tốc độ khá cao, duy trì được động lực kinh doanh để đảm bảo tính năng động của nền kinh tế, trong đó các hoạt động đổi mới sáng tạo và các hoạt động khởi nghiệp đang được thúc đẩy mạnh mẽ. Chính nhờ những hoạt động sôi nổi này mà trong thời gian qua, các hoạt động tái chế phế liệu, sử dụng lại vật liệu cũ, sử dụng lại những sản phẩm cũ cho những mục đích mới... được mở rộng, tạo ra một lĩnh vực kinh doanh đem lại hiệu quả cao, được nhiều người theo đuổi.

*Thứ hai*, Việt Nam đang đối mặt với sức ép về sự suy giảm tài nguyên và gia tăng chất thải. Trong 10 năm qua, nhu cầu đảm bảo nguyên vật liệu cho sản xuất đã tăng mạnh khiến Việt Nam phải nhập khẩu nhiều dầu thô, sắt thép, kim loại, chất dẻo nguyên liệu, phụ liệu cho ngành công nghiệp, tạo việc làm và gia tăng ngoại tệ cho đất nước. Cũng trong 10 năm qua, lượng chất thải từ nền kinh tế Việt Nam đã tăng bình quân 10%/năm, nhất là chất thải rắn của khu vực đô thị và ô nhiễm do sử dụng hóa chất ngày càng tăng trong nông nghiệp.

Theo số liệu thống kê, năm 2016, lượng chất thải rắn đô thị đã là 11,6 triệu tấn, tương đương với mức 0,33 kg/người và có thể tăng gấp đôi trong vòng 30 năm tới. Theo Báo cáo thực trạng môi trường Việt Nam, năm 2019, chỉ riêng chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam đã là 64.658 tấn/ngày (khoảng 0,672kg/

người), tăng 46% so với năm 2010. Trong số đó, chỉ mới có khoảng 16% chất thải rắn sinh hoạt của Việt Nam được tái chế thành phân bón sinh học và đốt để phát điện, nhưng số lượng không đáng kể. Nhìn chung, trong giai đoạn từ 1996- 2019, công nghiệp tái chế của Việt Nam đã có sự phát triển, trong đó có những năm tốc độ tăng trưởng của Ngành khá cao (năm 1996 đạt xấp xỉ 40%, năm 2008 tăng hơn 30%). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tốc độ tăng của khu vực kinh tế này đã chậm lại (Hình 1). Có những năm đã đạt tốc độ tăng trưởng chỉ đạt trên 1% tổng giá trị sản xuất của công nghiệp (năm 2010, chỉ số này chỉ là 0,278%).

*Thứ ba*, mô hình tăng trưởng kinh tế hiện tại của Việt Nam đang đối diện với nhiều thách thức, trong đó dư địa phát triển ở nhiều mặt đã gần đạt tới mức độ giới hạn. Nhiều lợi thế truyền thống của Việt Nam đã không còn là lợi thế vượt trội so với khu vực nữa. KTTH là một mô hình chuyển đổi mà Việt Nam nói chung, các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng có thể lựa chọn.

*Thứ tư*, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã tham gia và củng cố được vị thế trong nhiều chuỗi giá trị/ chuỗi cung ứng toàn cầu. Hơn nữa, trong quá trình củng cố vị thế, các doanh nghiệp Việt Nam luôn tìm cách xâm nhập sâu hơn và triển khai hoạt động ở những giai đoạn đem lại giá trị gia tăng cao hơn để nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh trong chuỗi.

**Giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam**

Để nâng cao hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, cải thiện đời sống xã hội Việt Nam, Nhà nước cần chủ động thúc đẩy quá trình mở rộng phạm vi, nâng cao quy mô và trình độ phát triển của nền KTTH. Theo hướng này, trong giai đoạn tới, cần triển khai một số biện pháp sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức, đúng đắn, đầy đủ về nền KTTH cũng như vai trò của nó đối với sự phát triển ngắn hạn và trong dài hạn của doanh nghiệp, của người dân, của Nhà nước và toàn xã hội. Nền KTTH không chỉ thúc đẩy Nhà nước đầu tư, người dân phải bỏ ra những khoản chi tiêu bổ sung để khắc phục hậu quả của tình trạng ô nhiễm do chất thải, các phế liệu từ quá trình sản xuất không được tái chế, mà nó còn giúp doanh nghiệp, người tiêu dùng, cũng như toàn xã hội tiết kiệm chi phí, có thêm lợi nhuận gia tăng từ việc đưa phế liệu từ quá trình sản xuất của mình vào các hệ thống tái chế.

*Hai là*, chuyển đổi cơ chế hoạt động của hệ thống



sản xuất theo hướng thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế tuần hoàn. Các chuỗi giá trị sẽ không chỉ được xem xét từ khi khai thác tài nguyên cho tới khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ được tạo ra từ tài nguyên, mà cần phải được xem xét cả giai đoạn sau sử dụng. Đồng thời, xem xét cách tiếp cận các hoạt động kinh tế, từ việc nghiên cứu để lựa chọn, sử dụng những tài nguyên có khả năng tái tạo; những sản phẩm và dịch vụ có thời gian sử dụng lâu dài, có khả năng được hoàn thiện, chuyển hóa hoặc tái tạo ngay trong và sau quá trình sử dụng, thiết kế và triển khai hệ thống phân phối... Việc theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động kinh tế cũng cần được thiết kế và tổ chức theo hướng đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

**Trong giai đoạn từ 1996- 2019, công nghiệp tái chế của Việt Nam đã có sự phát triển, trong đó có những năm tốc độ tăng trưởng của Ngành khá cao (năm 1996 đạt xấp xỉ 40%, năm 2008 tăng hơn 30%). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tốc độ tăng của khu vực kinh tế này đã chậm lại. Có những năm đã đạt tốc độ tăng trưởng chỉ đạt trên 1% tổng giá trị sản xuất của công nghiệp (năm 2010, chỉ số này chỉ là 0,278%).**

Ba là, thiết kế và tổ chức triển khai hệ thống quan hệ và cơ sở hạ tầng của xã hội phù hợp với yêu cầu của nền KTTH. Đây là điều kiện tiên quyết để nền KTTH có thể được hiện thực hóa, bởi có đảm bảo điều kiện phù hợp thì mới có thể đưa hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ theo mô hình KTTH vào khai thác, đồng thời có thể sử dụng được những sản phẩm và dịch vụ được tạo ra theo mô hình này. Điều này đòi hỏi cần tiếp tục nghiên cứu cụ thể hơn đối với từng lĩnh vực, từng ngành để xác định đúng và rõ mức độ so với nhu cầu, từ đó xác định những nhiệm vụ cụ thể và tiến độ triển khai cho từng ngành, từng lĩnh vực, thậm chí cả một số cơ quan, tổ chức có vai trò quan trọng đối với quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế.

Bốn là, điều chỉnh các chính sách kinh tế, tài chính theo hướng khuyến khích và thúc đẩy sự hình thành, phát triển của nền KTTH, tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo lợi ích kinh tế vượt trội cho các doanh nghiệp; chuyển đổi dần các quá trình sản xuất một chiều truyền thống sang hoạt động theo cơ chế của nền sản xuất tuần hoàn, nhất là phát triển các ngành tái chế phế liệu và vật liệu cũ, khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ mới, đặc trưng cho nền KTTH. Việc sản xuất, tiêu dùng các sản phẩm/dịch vụ của nền KTTH, đặc biệt là chế biến và tái sử

dụng các vật liệu thải loại từ sản xuất và tiêu dùng cần được ưu tiên trong tiếp cận các nguồn lực của xã hội, trong tiếp cận và khai thác các nguồn tín dụng và đất đai, trong thực hiện các nghĩa vụ tài chính và phi tài chính đối với Nhà nước. Trước mắt, sự chuyển đổi từ sản xuất và tiêu dùng theo mô hình kinh tế truyền thống sang mô hình KTTH cần được xem như một đóng góp cụ thể của những chủ thể có liên quan cho xã hội. Do vậy, việc giảm bớt nghĩa vụ của họ đối với Nhà nước cần được xem như một sự “đền bù” hoặc “tương thường” cho những đóng góp này.

Năm là, đẩy mạnh nghiên cứu, thúc đẩy sự ứng dụng các tiến bộ công nghệ trực tiếp hoặc gián tiếp hỗ trợ chuyển đổi nền kinh tế truyền thống sang kinh tế tuần hoàn. Chính từ yêu cầu này mà trong từng giai đoạn, Nhà nước cần lựa chọn để hỗ trợ cho việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ một cách đồng bộ cho toàn bộ chuỗi biến đổi vật chất từ khai thác, sử dụng tài nguyên cho tới khi hoàn tất quá trình tiêu dùng/sử dụng các sản phẩm/dịch vụ được tạo ra từ những tài nguyên và tái chế hoặc sử dụng lại, để đưa những tài nguyên ban đầu trở lại chu kỳ phục vụ nhu cầu xã hội. Do nhu cầu sử dụng, nhu cầu đầu tư và hiệu quả của mỗi chu kỳ biến đổi vật chất có khác nhau và nguồn lực phục vụ việc hiện thực hóa quá trình biến đổi này cũng khác nhau, nên sự lựa chọn có ý nghĩa quan trọng đối với sự mở rộng và phát triển của nền KTTH.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 432/QĐ-TTg 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020), Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2019, Chuyên đề Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, NXB Dân trí;
3. Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê các năm 1999, 2003, 2008, 2010, 2013, 2015 và 2019;
4. Bùi Văn Huyền, Nguyễn Ngọc Toàn (2021), Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Tài chính online;
5. Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Trọng Hạnh (2019), Thực hiện kinh tế tuần hoàn: Kinh nghiệm quốc tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam, VNU Journal of Science: Economics and Business, Vol. 35, No. 4 (2019);
6. J. Potting, M. Hekkert, E. Worrell, and A. Hanemaaijer (2017), Circular economy: measuring innovation in the product chain, The Hague: PBL Publishers;
7. Ellen MacArthur Foundation (2012), Towards the circular economy: Economic and business rationale for an accelerated transition.

#### Thông tin tác giả:

PGS., TS. Nguyễn Văn Phúc - Trường Đại học Yersin  
 Nguyễn Thu Hà - Viện Kinh tế - Xã hội và Công nghệ  
 Email: vanphuc.nguyen@gmail.com